UBND HUYỆN TÂN HIỆP
TRƯỜNG THCS THỊ TRẤN TÂN HIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HẰNG NĂM

(*Ngày 24 tháng 12 năm 2024)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Đỗ Đặng Đình Điệp, sinh ngày 24 tháng 9 năm 1696
- Chức vụ/chức danh công tác: Hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường TH&THCS Tân Hiệp B
- Hộ khẩu thường trú: Ấp Tân Phước, xã Tân Hiệp B, Tân Hiệp, Kiên Giang.
- Chỗ ở hiện tại: Tổ 2, Ấp Tân Phước, xã Tân Hiệp B, Tân Hiệp, Kiên Giang.
- Số căn cước công dân hoặc giấy CCCD: 079069031413, ngày cấp: 10/4/2023, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Trương Vũ Hoài Sao Ly, Năm sinh: 1983
- Chức vụ/chức danh công tác: Giáo viên
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường THCS Tân Hiệp B2
- Hộ khẩu thường trú: Ấp Tân Phước, xã Tân Hiệp B, Tân Hiệp, Kiên Giang.
- Chỗ ở hiện tại: Tổ 2, Ấp Tân Phước, xã Tân Hiệp B, Tân Hiệp, Kiên Giang.
- Số căn cước công dân hoặc giấy CCCD: 091183012738 , ngày cấp: 10/4/2023, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH.

3. Con chưa thành niên của người kê khai tài sản, thu nhập

a) Con thứ nhất:

- Họ và tên: Đỗ Trương Hồng Phước
- Ngày, tháng, năm sinh: 26/9/2009
- Hộ khẩu thường trú: Ấp Tân Phước, xã Tân Hiệp B, Tân Hiệp, Kiên Giang.
- Chỗ ở hiện tại: Tổ 2, Ấp Tân Phước, xã Tân Hiệp B, Tân Hiệp, Kiên Giang.
- Số căn cước công dân hoặc giấy CMND: ....., ngày cấp: ....., nơi cấp:

b) Con thứ hai (trở lên): (kê khai như con thứ nhất)

- Họ và tên: Đỗ Hoàng Thiên Trang
- Ngày, tháng, năm sinh: 30/5/2012
- Hộ khẩu thường trú: Ấp Tân Phước, xã Tân Hiệp B, Tân Hiệp, Kiên Giang.
- Chỗ ở hiện tại: Tổ 2, Ấp Tân Phước, xã Tân Hiệp B, Tân Hiệp, Kiên Giang.

- Số căn cước công dân hoặc giấy CMND: ....., ngày cấp: ....., nơi cấp:

c) Con thứ ba

- Họ và tên: Đỗ Thiên An

- Ngày, tháng, năm sinh: 07/9/2021

- Hộ khẩu thường trú: Ấp Tân Phước, xã Tân Hiệp B, Tân Hiệp, Kiên Giang.

- Chỗ ở hiện tại: Tổ 2, Ấp Tân Phước, xã Tân Hiệp B, Tân Hiệp, Kiên Giang.

d) Con thứ tư

- Họ và tên: Đỗ Thanh Bình

- Ngày, tháng, năm sinh: 07/9/2021

- Hộ khẩu thường trú: Ấp Tân Phước, xã Tân Hiệp B, Tân Hiệp, Kiên Giang.

- Chỗ ở hiện tại: Tổ 2, Ấp Tân Phước, xã Tân Hiệp B, Tân Hiệp, Kiên Giang.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:

1.1. Đất ở:

1.1.1. Mảnh thứ nhất:

- Địa chỉ: Tổ 2, Ấp Tân Phước, xã Tân Hiệp B, Tân Hiệp, Kiên Giang.
- Diện tích: 400 m2
- Giá trị: 200.000.000 đ
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: BE484478, cấp ngày 17/10/2012, người cấp: Chủ tịch UBND huyện Tân Hiệp.
- Thông tin khác (nếu có): Người đứng tên: Đỗ Đặng Đình Điệp

1.1.2. Mảnh thứ 2: (Mô tả như mảnh thứ nhất). Không

+ Địa chỉ: Phường Mỹ Thạnh, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang.
+ Diện tích: 78,4 m2
+ Giá trị: 313.600.000 đồng
+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng: C809958, cấp ngày 29/9/2020, người cấp Giám đốc sở tài nguyên môi trường tỉnh An Giang.
+ Thông tin khác (nếu có): Người đứng tên (vợ): Trương Vũ Hoài Sao Ly

1.2. Các loại đất khác:

1.2.1. Mảnh thứ 1

- Địa chỉ: Tổ 2, Ấp Tân Phước, xã Tân Hiệp B, Tân Hiệp, Kiên Giang.
- Diện tích: 1.417,1 m2
- Giá trị: 250.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: BE484478, cấp ngày 17/10/2012, người cấp: Chủ tịch UBND huyện Tân Hiệp.
- Thông tin khác (nếu có): Người đứng tên: Đỗ Đặng Đình Điệp

.2.1. Mảnh thứ 2 (Mô tả như mảnh thứ nhất).

- Địa chỉ: Tổ 2, Ấp Tân Phước, xã Tân Hiệp B, Tân Hiệp, Kiên Giang.
- Diện tích: 23.024,5 m2
- Giá trị: 983.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: BE484478, cấp ngày 17/10/2012, người cấp: Chủ tịch UBND huyện Tân Hiệp.
- Thông tin khác (nếu có): Người đứng tên: Đỗ Đặng Đình Điệp

1. Nhà ở, công trình xây dựng: *(Người kê khai tự mô tả các loại nhà, công trình xây dựng khác do bản thân, vợ hoặc chồng, con chưa thành niên sở hữu hoặc sở hữu một phần).*

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ 1:

- Địa chỉ tại: Tổ 2, Ấp Tân Phước, xã Tân Hiệp B, Tân Hiệp, Kiên Giang)
- Loại nhà: Nhà ở riêng lẻ
- Diện tích xây dựng: 70 m2
- Giá trị: 200.000.000
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: CH00238, cấp ngày ....., người cấp
- Thông tin khác (nếu có): Người đứng tên: Đỗ Đặng Đình Điệp

2.1.2. Nhà thứ 2 (Trở lên): Không

2.2. Công trình xây dựng khác: Không

2.2.1. Công trình thứ 1:

- Tên công trình …… địa chỉ ……
- Loại công trình …… ……..…Cấp công trình ……
- Diện tích: ……
- Giá trị: ……..
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: ……
- Thông tin khác (nếu có): ……

2.2.2. Công trình thứ 2 (Trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất(17): Không

3.1. Cây lâu năm(18):

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị(10): .....
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị(10): .....

3.2. Rừng sản xuất(19):

- Loại rừng:..... Diện tích:.....Giá trị(10): .....
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị(10): .....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị(10): .....
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị(10): .....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên(20). Không

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên(21). Không

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:.....Giá trị: .....
- Tên trái phiếu:.....Số lượng:..... Giá trị: .....

6.3. Vốn góp[22]:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác[23]:

- Tên giấy tờ có giá: .....Giá trị:.....
- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: Không

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tầu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)[24]:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....
- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)[25]:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:.....Giá trị: .....
- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:.....Giá trị: .....

8. Tài sản ở nước ngoài[26]. Không

9. Tài khoản ở nước ngoài[27]: Không

- Tên chủ tài khoản: .....……....., số tài khoản: .....
- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai[28]: 510.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của người kê khai (Lương và phụ cấp): 240.000.000 đồng
- Tổng thu nhập của vợ (Lương và phụ cấp): 150.000.000 đồng
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không
- Tổng các khoản thu nhập chung (do làm ruộng): 120.00.000 đồng

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM (29) *(nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):*

Loại tài sản, thu nhập	Tăng/giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất: 1.1. Đất ở:	Không		

1.2. Các loại đất khác: 2. Nhà ở, công trình xây dựng: 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác: 3. tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sán xuất. 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên. 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá trị khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại) 6.1. Cổ phiếu. 7.2. Trái phiếu. 6.3. vốn góp. 6.4. các loại giấy tờ có giá trị khác. 7. Tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên. 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai[32]. 9.1. Tổng thu nhập của người kê khai. 9.2. Tổng thu nhập của vợ		**510.000.000 đ** 240.000.000 đ 150.000.000 đ	- Tổng thu nhập của người kê khai: 240.000.000 đồng từ lương và phụ cấp. - Tổng thu nhập của vợ: 150.000.000 đồng

9.3. Tổng các khoản thu nhập chung		120.000.000 đ	từ lương và phụ cấp. - Tổng các khoản thu nhập chung 120.000.000 đồng do làm ruộng.

Tân Hiệp, ngày ……. tháng …… năm…..
Người nhận bản kê khai
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Tân Hiệp, ngày 24 tháng 12 năm 2024
Người kê khai tài sản
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đỗ Đặng Đình Điệp